TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT
Ngày 03 – 01 – 2023
Về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn"

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 111/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 218/2022/QĐPT – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Anh T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Anh T vắng mặt; ông Đ, chị T1 có mặt tại phiên toà.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn anh Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:

Trước đây vào năm 2017 anh T và chị T1 đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 06/2017/QĐST – HNGĐ ngày 30/10/2017 của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Sau khi ly hôn con chung là Võ Phan Minh Đ1 sinh ngày 16/9/2016 được Toà án giao cho chị Phan Thị Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau khi ly hôn với anh T thì chị T1 có chồng mới và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1; con chung của anh T và chị T1 được giao cho gia đình ông Dương Ngọc T2 là gia đình chồng mới của chị T1 nuôi dưỡng. Anh T đã nhiều lần đến gia đình ông T2 để thăm cháu Đ1 nhưng bị gia đình ông T2 ngăn cản không cho gặp. Hiện tại anh T có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ1 (đang sống chung với cha mẹ ruột, mức thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng gồm tiền lương cố định từ công việc cạo cao su là 8.000.000 đồng/tháng cùng với việc kinh doanh khác từ việc mua bán trái cây, củi gỗ); thời gian làm việc của anh T cũng linh động, hơn nữa chị T1 đã có chồng mới và có con riêng nên không thể chăm sóc tốt cho cháu Đ1.

Nay anh T yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Anh T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Võ Phan Minh Đ1, sinh ngày 16/9/2016 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị Phan Thị Anh T1 trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu thay đổi người nuôi con thì chị không đồng ý với lý do: Sau khi ly hôn với anh T năm 2017 đến cuối năm 2018 chị có chồng khác và hai vợ chồng chị cùng sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ly hôn với anh T thì con chung sống với vợ chồng chị trên Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 5/2021 do dịch Covid bùng phát nên vợ chồng chị có gửi con về gia đình chồng ở Bảo Thuận để chăm sóc, do cha mẹ ruột chị cũng sống tại Thành phố; khi về quê ở Bảo Thuận để con được chăm sóc tốt chị có gửi con cho đi học ở trường mầm non Bảo Thuận và vợ chồng chị mặc dù đăng ký tạm trú ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cũng đi đi về về giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Ba Tri; đến cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2022 cháu Đ1 hoàn thành chương trình học ở Bảo Thuận chị đã rước cháu về Thành phố sinh sống; con sống chung với chị vẫn phát triển tốt; hiện tại công việc chị là mua bán hải sản chị có cơ sở kinh doanh riêng nên chị có thời gian và điều kiện chăm sóc con.

Anh T cho rằng chị ngăn cản quyền chăm sóc con, thăm nom con là không có sự việc đó; khi anh T xuống rước con thì cháu đang đi học nên chị có nói là khi nào con nghỉ hè sẽ cho rước về chăm sóc; cách nay khoảng một tuần anh T có rước cháu Đ1 về Bình Phước chơi khoảng 10 ngày và mới giao con cho chị vào ngày chủ nhật tuần rồi (khoảng ngày 16/7/2022).

Anh T không có thời gian chăm sóc con vì nghề anh T là cạo mủ phải thức đêm. Hơn nữa, anh T còn làm thêm nghề khác nên thời gian gần gũi, chăm sóc con là không có, con chung sống với chị đang sinh sống ở thành phố, có công việc và thu nhập ổn định và môi trường học tập ở thành phố cũng tốt đảm bảo cho con phát triển bình thường được.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 111/2022/HN-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T đối với chị Phan Thị Anh T1 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn tên Võ Phan Minh Đ1, sinh ngày 16/9/2016

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn anh Võ Văn T kháng cáo yêu cầu sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 111/2022/HN-ST ngày 24/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tính.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về tranh chấp trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn T; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 111/2022/HN-ST ngày 24/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn, và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Văn T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Võ Văn T và chị Phan Thị Anh T1 ly hôn theo quyết định số 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2017 của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Chị T1 là người trực tiếp nuôi con chung con chung là cháu Võ Phan Minh Đ1, sinh ngày 16/9/2016. Anh T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con với lý do chị T1 hiện không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ1 mà giao cho người khác chăm sóc, gia đình chị T1 đã cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Đ1 và chị T1 hiện tại đã có chồng khác và con riêng nên không thể chăm sóc tốt cho cháu Đ1. Hiện nay công việc và mức thu nhập của anh ổn định nên có thời gian và điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Đ1 nên anh đã yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh T. Anh T kháng cáo bản án sơ thẩm với yêu cầu anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1.

[2.4] Xét kháng cáo của anh Võ Văn T trong vụ án, nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà anh Võ Văn T và chị Phan Thị Anh T1 cung cấp thì hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Phan Minh Đ1, cả hai bên đều có công việc và thu nhập ổn định nên đều có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống vật chất cho cháu Đ1. Hiện tại, cháu Đ1 đang được chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng từ khi có Quyết định ly hôn của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước khi đó cháu mới 01 tuổi cho đến nay; mặc dù chị T1 đã có chồng khác và có con nhưng chị T1 vẫn chăm sóc tốt cho cháu Đ1 được thể hiện qua thành tích học tập của cháu Đ1 tại Trường mầm non Phường 2, Quận 11 và hiện tại cháu đã vào lớp 1 theo giấy gọi trẻ vào lớp 1 của UBND Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc anh T cho rằng chị T1 ngăn không tạo điều kiện để anh thăm nom, chăm sóc cháu Đ1 là do điều kiện học tập cháu Đ1 nên có hạn chế trong việc anh T thăm và rước cháu. Nhưng sau khi cháu Đ1 hoàn thành chương trình mầm non tại xã Bảo Thuận thì chị T1 đã cho anh T rước cháu Đ1 về sống cùng anh hơn mười ngày.

Anh T cho rằng hiện tại chị T1 không là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 mà gửi cháu cho người khác nuôi dưỡng. Cụ thể là gửi cho ông Dương Văn Thanh là cha chồng sau của chị T1. Chị T1 cũng thừa nhận sự việc này, tuy nhiên thời điểm chị T1 gửi cháu Đ1 cho ông T2 chăm sóc là vào khoảng tháng 5 năm 2021 – thời điểm dịch bệnh bùng phát trên Thành phố Hồ Chí Minh, có nguy cơ lây lan cao nên chị mới gửi cháu Đ1 cho ông T2 nuôi dưỡng để đảm bảo sức khoẻ của cháu. Chị T1 vẫn thường xuyên đi lại giữa hai nơi Thành phố Hồ Chí Minh và Bến Tre để chăm sóc cháu Đ1. Cháu Đ1 khi sống tại nhà ông T2 vẫn được đảm bảo về điều kiện học tập, sinh hoạt, vui chơi. Hiện tại cháu Đ1 đã 06 tuổi phát triển bình thường, được đến trường, thành tích học tập tốt và không thiếu điều kiện vật chất lẫn tinh thần.

Hơn nữa, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T1 không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như việc chị T1 không

tạo điều kiện cho anh thăm nom, chăm sóc cháu Đ1. Anh chỉ cung cấp được giấy xác nhận mức lương của mình. Do vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Võ Văn T là có căn cứ.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn T. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm số 111/2022/HN-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Võ Văn T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn T;

Giữ nguyên quyết định Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 111/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 28, 38, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 92, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T đối với chị Phan Thị Anh T1 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn tên Võ Phan Minh Đ1, sinh ngày 16/9/2016.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn T phải phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004202 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri và đã nộp xong.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008882 ngày 06/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương